

PHỤ LỤC
PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 (BAO GỒM VỐN KÉO DÀI NĂM TRƯỚC SANG)
(Kèm theo Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đơn vị, nội dung thực hiện	Tổng vốn phân bổ			Trong đó:						Ghi chú
					Năm 2025			Năm trước chuyển sang			
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	
	Tổng cộng	44.548,02	43.392,06	1.155,96	14.938,31	14.846,54	91,77	29.609,70	28.545,51	1.064,19	
A	CÁC XÃ KHU TÂY QUẢNG NGÃI	39.813,90	39.645,52	168,37	14.938,31	14.846,54	91,77	24.875,58	24.798,98	76,60	
1	Phường Kon Tum	1.266,92	1.266,92	-	957,00	957,00	-	309,92	309,92	-	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.097,51	1.097,51	-	917,00	917,00		180,51	180,51		
	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	810,00	810,00	-	810,00	810,00		-	-		
	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	287,51	287,51	-	107,00	107,00		180,51	180,51		
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	95,00	95,00	-	40,00	40,00		55,00	55,00		
	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	55,00	55,00	-	-	-		55,00	55,00		
	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	40,00	40,00	-	40,00	40,00		-	-		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	74,41	74,41	-	-	-		74,41	74,41		
	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	37,71	37,71	-	-	-		37,71	37,71		
	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	36,70	36,70	-	-	-		36,70	36,70		
2	Phường Đắk Bla	1.266,51	1.266,51	-	117,00	117,00	-	1.149,51	1.149,51		
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.097,51	1.097,51	-	107,00	107,00		990,51	990,51		
	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	810,00	810,00	-	-	-		810,00	810,00		
	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	287,51	287,51	-	107,00	107,00		180,51	180,51		
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	96,00	96,00	-	-	-		96,00	96,00		
	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	56,00	56,00	-	-	-		56,00	56,00		
	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	40,00	40,00	-	-	-		40,00	40,00		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	73,00	73,00	-	10,00	10,00		63,00	63,00		
	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	35,00	35,00	-	-	-		35,00	35,00		
	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	38,00	38,00	-	10,00	10,00		28,00	28,00		
3	Xã Ngọc Bay	1.236,50	1.236,50	-	137,00	137,00	-	1.099,50	1.099,50	-	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.097,50	1.097,50	-	107,00	107,00		990,50	990,50		
	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	810,00	810,00	-	-	-		810,00	810,00		
	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	287,50	287,50	-	107,00	107,00		180,50	180,50		
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	96,00	96,00	-	-	-		96,00	96,00		
	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	56,00	56,00	-	-	-		56,00	56,00		
	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	40,00	40,00	-	-	-		40,00	40,00		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	43,00	43,00	-	30,00	30,00		13,00	13,00		
	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	37,00	37,00	-	30,00	30,00		7,00	7,00		

TT	Đơn vị, nội dung thực hiện	Tổng vốn phân bổ			Trong đó:						Ghi chú
					Năm 2025			Năm trước chuyển sang			
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	
	Tiêu dự án 2. Giám sát, đánh giá	6,00	6,00	-	-	-		6,00	6,00		
4	Xã Ia Chim	1.268,51	1.268,51	-	137,00	137,00	-	1.131,51	1.131,51	-	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.097,51	1.097,51	-	107,00	107,00		990,51	990,51		
	Tiêu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	810,00	810,00	-	-	-		810,00	810,00		
	Tiêu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	287,51	287,51	-	107,00	107,00		180,51	180,51		
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	96,00	96,00	-	-	-		96,00	96,00		
	Tiêu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	56,00	56,00	-	-	-		56,00	56,00		
	Tiêu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	40,00	40,00	-	-	-		40,00	40,00		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	75,00	75,00	-	30,00	30,00		45,00	45,00		
	Tiêu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	37,00	37,00	-	30,00	30,00		7,00	7,00		
	Tiêu dự án 2. Giám sát, đánh giá	38,00	38,00	-	-	-		38,00	38,00		
5	Xã Đăk Rơ Wa	1.261,94	1.261,94	-	139,00	139,00	-	1.122,94	1.122,94	-	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.094,50	1.094,50	-	107,00	107,00		987,50	987,50		
	Tiêu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	807,00	807,00	-	-	-		807,00	807,00		
	Tiêu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	287,50	287,50	-	107,00	107,00		180,50	180,50		
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	92,44	92,44	-	-	-		92,44	92,44		
	Tiêu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	56,00	56,00	-	-	-		56,00	56,00		
	Tiêu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	36,44	36,44	-	-	-		36,44	36,44		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	75,00	75,00	-	32,00	32,00		43,00	43,00		
	Tiêu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	37,00	37,00	-	32,00	32,00		5,00	5,00		
	Tiêu dự án 2. Giám sát, đánh giá	38,00	38,00	-	-	-		38,00	38,00		
6	Xã Đăk Pxi	157,56	157,56	-	157,56	157,56	-	-	-	-	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	24,74	24,74	-	24,74	24,74		-			
	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông	8,74	8,74	-	8,74	8,74		-			
	Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	16,00	16,00	-	16,00	16,00		-			
*	Dự án 4	-	-	-	-			-			
	Hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp	-	-	-	-			-			
	Hỗ trợ việc làm bền vững	-	-	-	-			-			
*	Dự án 6	112,45	112,45	-	112,45	112,45		-			
	Tiêu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	65,00	65,00	-	65,00	65,00		-			
	Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	47,45	47,45	-	47,45	47,45		-			
*	Dự án 7	20,37	20,37	-	20,37	20,37		-			
	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	9,00	9,00	-	9,00	9,00		-			
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá	11,37	11,37	-	11,37	11,37		-			
7	Ngọc Ráo	155,82	155,82	-	155,82	155,82	-	-			
*	DA 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	24,74	24,74	-	24,74	24,74		-			

TT	Đơn vị, nội dung thực hiện	Tổng vốn phân bổ			Trong đó:						Ghi chú
					Năm 2025			Năm trước chuyển sang			
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông	8,74	8,74	-	8,74	8,74		-			
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	16,00	16,00	-	16,00	16,00		-			
*	Dự án 4	-	-	-	-			-			
	Hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp	-	-	-	-			-			
	Hỗ trợ việc làm bền vững	-	-	-	-			-			
*	Dự án 6	112,45	112,45	-	112,45	112,45		-			
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	65,00	65,00	-	65,00	65,00		-			
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	47,45	47,45	-	47,45	47,45		-			
*	Dự án 7	18,63	18,63	-	18,63	18,63		-			
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	9,00	9,00	-	9,00	9,00		-			
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	9,63	9,63	-	9,63	9,63		-			
8	Xã Đắk Mar	157,56	157,56	-	146,19	146,19	-	11,37	11,37	-	
*	DA 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	24,74	24,74	-	24,74	24,74		-	-		
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông	8,74	8,74	-	8,74	8,74		-			
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	16,00	16,00	-	16,00	16,00		-			
*	Dự án 4	-	-	-	-			-			
	Hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp	-	-	-	-			-			
	Hỗ trợ việc làm bền vững	-	-	-	-			-			
*	Dự án 6	112,45	112,45	-	112,45	112,45		-	-		
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	65,00	65,00	-	65,00	65,00		-			
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	47,45	47,45	-	47,45	47,45		-			
*	Dự án 7	20,37	20,37	-	9,00	9,00	-	11,37	11,37	-	
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	9,00	9,00	-	9,00	9,00		-			
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	11,37	11,37	-	-			11,37	11,37		
9	Xã Đắk Ui	157,56	157,56	-	122,39	122,39	-	35,17	35,17	-	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	24,74	24,74	-	24,74	24,74	-	-	-	-	
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông	8,74	8,74	-	8,74	8,74		-			
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	16,00	16,00	-	16,00	16,00		-			
*	Dự án 4	-	-	-	-			-			
	Hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp	-	-	-	-			-			
	Hỗ trợ việc làm bền vững	-	-	-	-			-			
*	Dự án 6	112,45	112,45	-	88,65	88,65	-	23,80	23,80	-	
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	65,00	65,00	-	65,00	65,00		-			
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	47,45	47,45	-	23,65	23,65		23,80	23,80		
*	Dự án 7	20,37	20,37	-	9,00	9,00	-	11,37	11,37	-	
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	9,00	9,00	-	9,00	9,00		-			
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	11,37	11,37	-	-			11,37	11,37		
10	Xã Đắk Tô	911,70	911,70	-	85,00	85,00	-	826,70	826,70	-	

TT	Đơn vị, nội dung thực hiện	Tổng vốn phân bổ			Trong đó:						Ghi chú
					Năm 2025			Năm trước chuyển sang			
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	64,00	64,00	-	64,00	64,00	-	-	-	-	
	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông	28,00	28,00	-	28,00	28,00		-			
	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng	36,00	36,00	-	36,00	36,00		-			
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	704,23	704,23	-	-	-	-	704,23	704,23	-	
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	312,23	312,23	-	-			312,23	312,23		
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	392,00	392,00	-	-			392,00	392,00		
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	47,01	47,01	-	21,00	21,00	-	26,01	26,01	-	
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	-	-	-	-			-			
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	47,01	47,01	-	21,00	21,00		26,01	26,01		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	96,46	96,46	-	-	-	-	96,46	96,46	-	
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	51,23	51,23	-	-			51,23	51,23		
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	45,23	45,23	-	-			45,23	45,23		
11	Xã Ngok Tụ	511,58	511,58	-	400,00	400,00	-	111,58	111,58	-	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	32,43	32,43	-	17,00	17,00	-	15,43	15,43	-	
	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông	15,43	15,43	-	-			15,43	15,43		
	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng	17,00	17,00	-	17,00	17,00		-			
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	348,39	348,39	-	290,00	290,00	-	58,39	58,39	-	
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	221,00	221,00	-	221,00	221,00		-			
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	127,39	127,39	-	69,00	69,00		58,39	58,39		
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	37,00	37,00	-	37,00	37,00	-	-	-	-	
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	28,00	28,00	-	28,00	28,00		-			
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	9,00	9,00	-	9,00	9,00		-			
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	93,77	93,77	-	56,00	56,00	-	37,77	37,77	-	
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	56,00	56,00	-	56,00	56,00		-			
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	37,77	37,77	-	-			37,77	37,77		
12	Xã Măng Ri	3.966,97	3.966,97	-	1.506,82	1.506,82	-	2.460,15	2.460,15	-	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	344,95	344,95	-	339,60	339,60		5,35	5,35		
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông	14,70	14,70	-	9,35	9,35		5,35	5,35		
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	330,25	330,25	-	330,25	330,25		-	-		
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	3.480,27	3.480,27	-	1.085,22	1.085,22		2.395,05	2.395,05		
	Tiểu dự án 1. Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn	2.599,94	2.599,94	-	768,25	768,25		1.831,69	1.831,69		
	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	535,56	535,56	-	172,50	172,50		363,06	363,06		
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	344,78	344,78	-	144,47	144,47		200,31	200,31		
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	32,92	32,92	-	27,50	27,50		5,42	5,42		
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	3,92	3,92	-	-	-		3,92	3,92		

TT	Đơn vị, nội dung thực hiện	Tổng vốn phân bổ			Trong đó:						Ghi chú
					Năm 2025			Năm trước chuyển sang			
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	29,00	29,00	-	27,50	27,50		1,50	1,50		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương	108,83	108,83	-	54,50	54,50		54,33	54,33		
	Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	48,80	48,80	-	31,25	31,25		17,55	17,55		
	Giám sát, đánh giá	60,03	60,03	-	23,25	23,25		36,78	36,78		
13	Xã Đắk Tô Kan	3.966,97	3.966,97	-	1.506,82	1.506,82	-	2.460,15	2.460,15	-	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	344,95	344,95	-	339,60	339,60		5,35	5,35		
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông	14,70	14,70	-	9,35	9,35		5,35	5,35		
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	330,25	330,25	-	330,25	330,25		-	-		
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	3.480,27	3.480,27	-	1.085,22	1.085,22		2.395,05	2.395,05		
	Tiểu dự án 1. Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn	2.599,94	2.599,94	-	768,25	768,25		1.831,69	1.831,69		
	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	535,56	535,56	-	172,50	172,50		363,06	363,06		
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	344,78	344,78	-	144,47	144,47		200,31	200,31		
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	32,92	32,92	-	27,50	27,50		5,42	5,42		
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	3,92	3,92	-	-	-		3,92	3,92		
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	29,00	29,00	-	27,50	27,50		1,50	1,50		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương	108,83	108,83	-	54,50	54,50		54,33	54,33		
	Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	48,80	48,80	-	31,25	31,25		17,55	17,55		
	Giám sát, đánh giá	60,03	60,03	-	23,25	23,25		36,78	36,78		
14	Xã Đắk Sao	3.966,97	3.966,97	-	1.506,82	1.506,82	-	2.460,15	2.460,15	-	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	344,95	344,95	-	339,60	339,60		5,35	5,35		
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông	14,70	14,70	-	9,35	9,35		5,35	5,35		
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	330,25	330,25	-	330,25	330,25		-	-		
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	3.480,27	3.480,27	-	1.085,22	1.085,22		2.395,05	2.395,05		
	Tiểu dự án 1. Phát triển GDNN vùng nghèo, vùng khó khăn	2.599,94	2.599,94	-	768,25	768,25		1.831,69	1.831,69		
	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	535,56	535,56	-	172,50	172,50		363,06	363,06		
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	344,78	344,78	-	144,47	144,47		200,31	200,31		
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	32,92	32,92	-	27,50	27,50		5,42	5,42		
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	3,92	3,92	-	-	-		3,92	3,92		
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	29,00	29,00	-	27,50	27,50		1,50	1,50		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương	108,83	108,83	-	54,50	54,50		54,33	54,33		
	Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	48,80	48,80	-	31,25	31,25		17,55	17,55		
	Giám sát, đánh giá	60,03	60,03	-	23,25	23,25		36,78	36,78		
15	Xã Sa Bình	147,66	147,66	-	96,16	96,16	-	51,50	51,50	-	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	19,96	19,96	-	19,96	19,96		-	-		
	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông	9,00	9,00	-	9,00	9,00		-	-		
	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ Cải thiện dinh dưỡng	10,96	10,96	-	10,96	10,96		-	-		

TT	Đơn vị, nội dung thực hiện	Tổng vốn phân bổ			Trong đó:						Ghi chú
					Năm 2025			Năm trước chuyển sang			
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	64,70	64,70	-	13,20	13,20		51,50	51,50		
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	51,50	51,50	-	-			51,50	51,50		
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	13,20	13,20	-	13,20	13,20		-			
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	63,00	63,00	-	63,00	63,00		-	-		
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	44,00	44,00	-	44,00	44,00		-			
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá (Thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án thành phần)	19,00	19,00	-	19,00	19,00		-			
16	Xã Ya Ly	147,66	147,66	-	96,16	96,16	-	51,50	51,50	-	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	19,96	19,96	-	19,96	19,96		-	-		
	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông	9,00	9,00	-	9,00	9,00		-			
	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ Cải thiện dinh dưỡng	10,96	10,96	-	10,96	10,96		-			
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	64,70	64,70	-	13,20	13,20		51,50	51,50		
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	51,50	51,50	-	-			51,50	51,50		
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	13,20	13,20	-	13,20	13,20		-			
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	63,00	63,00	-	63,00	63,00		-	-		
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	44,00	44,00	-	44,00	44,00		-			
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá (Thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án thành phần)	19,00	19,00	-	19,00	19,00		-			
17	Xã Rờ Koi	170,73	151,73	19,00	115,16	96,16	19,00	55,57	55,57	-	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	24,03	24,03		19,96	19,96		4,07	4,07		
	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông	13,07	13,07		9,00	9,00		4,07	4,07		
	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ Cải thiện dinh dưỡng	10,96	10,96		10,96	10,96		-			
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	64,70	64,70		13,20	13,20		51,50	51,50		
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	51,50	51,50		-			51,50	51,50		
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	13,20	13,20		13,20	13,20		-			
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	82,00	63,00	19,00	82,00	63,00	19,00	-	-	-	
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	63,00	44,00	19,00	63,00	44,00	19,00	-			
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá (Thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án thành phần)	19,00	19,00		19,00	19,00		-			
18	Xã Mô Rai	159,30	142,13	17,17	56,33	39,16	17,17	102,97	102,97	-	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	25,18	19,96	5,22	25,18	19,96	5,22	-	-		
	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông	9,00	9,00		9,00	9,00		-			
	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ Cải thiện dinh dưỡng	16,18	10,96	5,22	16,18	10,96	5,22	-			
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	68,54	67,59	0,95	14,15	13,20	0,95	54,39	54,39		
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	51,68	51,68		-			51,68	51,68		
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	16,85	15,90	0,95	14,15	13,20	0,95	2,70	2,70		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	65,58	54,58	11,00	17,00	6,00	11,00	48,58	48,58		
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	44,86	44,86		-			44,86	44,86		

TT	Đơn vị, nội dung thực hiện	Tổng vốn phân bổ			Trong đó:						Ghi chú
					Năm 2025			Năm trước chuyển sang			
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá (Thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án thành phần)	20,72	9,72	11,00	17,00	6,00	11,00	3,72	3,72		
19	Xã Ia Toi	2.978,02	2.978,02	-	525,03	525,03	-	2.452,99	2.452,99		
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	425,03	425,03	-	425,03	425,03		-	-		
	Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	425,03	425,03	-	425,03	425,03		-	-		
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	2.394,05	2.394,05	-	-	-		2.394,05	2.394,05		
	Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	1.793,49	1.793,49	-	-	-		1.793,49	1.793,49		
	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	589,00	589,00	-	-	-		589,00	589,00		
	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	11,56	11,56	-	-	-		11,56	11,56		
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	4,00	4,00	-	-	-		4,00	4,00		
	Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	4,00	4,00	-	-	-		4,00	4,00		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	154,94	154,94	-	100,00	100,00		54,94	54,94		
	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	100,00	100,00	-	100,00	100,00		-	-		
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá	54,94	54,94	-	-	-		54,94	54,94		
20	Xã Ia Dal	632,57	632,57	-	288,97	288,97	-	343,60	343,60	-	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	467,53	467,53	-	178,97	178,97		288,56	288,56		
	Tiêu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	467,53	467,53	-	178,97	178,97		288,56	288,56		
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	3,00	3,00	-	-	-		3,00	3,00		
	Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	3,00	3,00	-	-	-		3,00	3,00		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	162,04	162,04	-	110,00	110,00		52,04	52,04		
	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	103,26	103,26	-	100,00	100,00		3,26	3,26		
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá	58,78	58,78	-	10,00	10,00		48,78	48,78		
21	Xã Bờ Y	1.550,23	1.550,23	-	631,00	631,00	-	919,23	919,23	-	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.108,33	1.108,33	-	411,00	411,00		697,33	697,33		
	Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	840,00	840,00	-	340,00	340,00		500,00	500,00		
	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	268,33	268,33	-	71,00	71,00		197,33	197,33		
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	119,61	119,61	-	74,00	74,00		45,61	45,61		
	Tiêu dự án 1 : Giảm nghèo về thông tin	74,00	74,00	-	74,00	74,00		-	-		
	Tiêu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	45,61	45,61	-	-	-		45,61	45,61		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	322,29	322,29	-	146,00	146,00		176,29	176,29		
	Tiêu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	200,00	200,00	-	100,00	100,00		100,00	100,00		
	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá	122,29	122,29	-	46,00	46,00		76,29	76,29		
22	Sa Loong	1.694,15	1.694,15	-	490,00	490,00	-	1.204,15	1.204,15	-	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.270,00	1.270,00	-	270,00	270,00		1.000,00	1.000,00		

TT	Đơn vị, nội dung thực hiện	Tổng vốn phân bổ			Trong đó:						Ghi chú
					Năm 2025			Năm trước chuyển sang			
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	1.020,00	1.020,00	-	220,00	220,00		800,00	800,00		
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	250,00	250,00	-	50,00	50,00		200,00	200,00		
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	94,00	94,00	-	94,00	94,00		-	-		
	Tiểu dự án 1 : Giảm nghèo về thông tin	50,00	50,00	-	50,00	50,00		-	-		
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	44,00	44,00	-	44,00	44,00		-	-		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	330,15	330,15	-	126,00	126,00		204,15	204,15		
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	220,15	220,15	-	86,00	86,00		134,15	134,15		
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	110,00	110,00	-	40,00	40,00		70,00	70,00		
23	Xã Dục Nông	234,00	234,00	-	134,00	134,00	-	100,00	100,00	-	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	-	-	-							
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	-	-	-							
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	-	-	-							
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	94,00	94,00	-	94,00	94,00		-	-		
	Tiểu dự án 1 : Giảm nghèo về thông tin	50,00	50,00	-	50,00	50,00		-	-		
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	44,00	44,00	-	44,00	44,00		-	-		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	140,00	140,00	-	40,00	40,00	-	100,00	100,00		
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	-	-	-							
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	140,00	140,00	-	40,00	40,00		100,00	100,00		
24	Xã Đăk Rve	1.283,87	1.283,87	-	651,50	651,50	-	632,37	632,37	-	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.146,26	1.146,26		563,00	563,00		583,26	583,26		
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	1.122,63	1.122,63		543,50	543,50		579,13	579,13		
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	23,63	23,63		19,50	19,50		4,13	4,13		
*	Dự án 6: truyền thông về giảm nghèo và giảm nghèo về thông	36,50	36,50		36,50	36,50		-	-		
	Tiểu dự án1: Truyền thông về giảm nghèo và giảm nghèo về thông tin	23,00	23,00		23,00	23,00		-	-		
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	13,50	13,50		13,50	13,50		-	-		
*	Dự án 7: nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình	101,11	101,11		52,00	52,00		49,11	49,11		
	Tiểu dự án 1: nâng cao năng lực thực hiện chương trình	32,12	32,12		27,00	27,00		5,12	5,12		
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	68,99	68,99		25,00	25,00		43,99	43,99		
25	Xã Đăk Koi	918,38	918,38	-	107,00	107,00	-	811,38	811,38	-	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	761,21	761,21		16,00	16,00		745,21	745,21		
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	745,21	745,21		-	-		745,21	745,21		
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	16,00	16,00		16,00	16,00		-			
*	Dự án 6: truyền thông về giảm nghèo và giảm nghèo về thông	61,58	61,58		37,00	37,00		24,58	24,58		

TT	Đơn vị, nội dung thực hiện	Tổng vốn phân bổ			Trong đó:						Ghi chú
					Năm 2025			Năm trước chuyển sang			
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	
	Tiểu dự án1: Truyền thông về giảm nghèo và giảm nghèo về thông tin	23,00	23,00		23,00	23,00		-	-		
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	38,58	38,58		14,00	14,00		24,58	24,58		
*	Dự án 7: nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình	95,59	95,59		54,00	54,00		41,59	41,59		
	Tiểu dự án 1: nâng cao năng lực thực hiện chương trình	74,02	74,02		54,00	54,00		20,02	20,02		
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	21,56	21,56		-	-		21,56	21,56		
26	Xã Kon Braih	1.283,87	1.283,87	-	651,50	651,50	-	632,37	632,37	-	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1.146,26	1.146,26		563,00	563,00		583,26	583,26		
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	1.122,63	1.122,63		543,50	543,50		579,13	579,13		
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	23,63	23,63		19,50	19,50		4,13	4,13		
*	Dự án 6: truyền thông về giảm nghèo và giảm nghèo về thông	36,50	36,50		36,50	36,50		-	-		
	Tiểu dự án1: Truyền thông về giảm nghèo và giảm nghèo về thông tin	23,00	23,00		23,00	23,00		-	-		
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	13,50	13,50		13,50	13,50		-	-		
*	Dự án 7: nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình	101,11	101,11		52,00	52,00		49,11	49,11		
	Tiểu dự án 1: nâng cao năng lực thực hiện chương trình	32,12	32,12		27,00	27,00		5,12	5,12		
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	68,99	68,99		25,00	25,00		43,99	43,99		
27	Xã Măng Đen	3.225,50	3.225,50	-	1.247,00	1.247,00	-	1.978,50	1.978,50	-	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	2.614,00	2.614,00	-	676,00	676,00	-	1.938,00	1.938,00	-	
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng	1.655,40	1.655,40	-	400,00	400,00	-	1.255,40	1.255,40	-	
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	775,00	775,00	-	230,00	230,00	-	545,00	545,00	-	
	Tiểu dự án 3: Hoạt động chuyên môn khác; Hỗ trợ việc làm bền	183,60	183,60	-	46,00	46,00	-	137,60	137,60	-	
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	593,29	593,29	-	571,00	571,00	-	22,29	22,29	-	
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin (Hoạt động chuyên môn khác)	400,29	400,29	-	378,00	378,00	-	22,29	22,29	-	
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều (Hoạt động chuyên môn khác)	193,00	193,00	-	193,00	193,00	-	-	-	-	
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	18,21	18,21	-	-	-	-	18,21	18,21	-	
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	18,21	18,21	-	-	-	-	18,21	18,21	-	
28	xã Măng Bút	2.677,00	2.677,00	-	1.650,00	1.650,00	-	1.027,00	1.027,00	-	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	2.657,00	2.657,00	-	1.650,00	1.650,00	-	1.007,00	1.007,00	-	
-	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng	1.657,00	1.657,00	-	1.350,00	1.350,00		307,00	307,00		
-	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	780,00	780,00	-	230,00	230,00		550,00	550,00		

TT	Đơn vị, nội dung thực hiện	Tổng vốn phân bổ			Trong đó:						Ghi chú
					Năm 2025			Năm trước chuyển sang			
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	
-	Tiêu dự án 3: Hoạt động chuyên môn khác; Hỗ trợ việc làm bền	220,00	220,00	-	70,00	70,00		150,00	150,00		
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	20,00	20,00	-	-	-	-	20,00	20,00	-	
-	Tiêu dự án :1 Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	20,00	20,00	-	-	-		20,00	20,00		
-	Tiêu dự án 2: Giám sát, đánh giá (Hoạt động chuyên môn khác)	-	-	-	-	-		-			
29	Xã Ngọc Linh	221,00	200,00	21,00	103,00	93,00	10,00	118,00	107,00	11,00	
-	Tiêu Dự án 2, Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	52,00	45,00	7,00	17,00	15,00	2,00	35,00	30,00	5,00	
-	Tiêu Dự án 1, Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện Chương	86,00	80,00	6,00	38,00	35,00	3,00	48,00	45,00	3,00	
-	Tiêu Dự án 2, Dự án 7: Giám sát, đánh giá	39,00	35,00	4,00	15,00	13,00	2,00	24,00	22,00	2,00	
-	Tiêu Dự án 3, Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững	44,00	40,00	4,00	33,00	30,00	3,00	11,00	10,00	1,00	
30	Xã Xốp	221,00	200,00	21,00	103,00	93,00	10,00	118,00	107,00	11,00	
-	Tiêu Dự án 2, Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	52,00	45,00	7,00	17,00	15,00	2,00	35,00	30,00	5,00	
-	Tiêu Dự án 1, Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện Chương	86,00	80,00	6,00	38,00	35,00	3,00	48,00	45,00	3,00	
-	Tiêu Dự án 2, Dự án 7: Giám sát, đánh giá	39,00	35,00	4,00	15,00	13,00	2,00	24,00	22,00	2,00	
-	Tiêu Dự án 3, Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững	44,00	40,00	4,00	33,00	30,00	3,00	11,00	10,00	1,00	
31	Xã Đăk Plô	221,00	200,00	21,00	103,00	93,00	10,00	118,00	107,00	11,00	
-	Tiêu Dự án 2, Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	52,00	45,00	7,00	17,00	15,00	2,00	35,00	30,00	5,00	
-	Tiêu Dự án 1, Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện Chương	86,00	80,00	6,00	38,00	35,00	3,00	48,00	45,00	3,00	
-	Tiêu Dự án 2, Dự án 7: Giám sát, đánh giá	39,00	35,00	4,00	15,00	13,00	2,00	24,00	22,00	2,00	
-	Tiêu Dự án 3, Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững	44,00	40,00	4,00	33,00	30,00	3,00	11,00	10,00	1,00	
32	Xã Đăk Pék	221,00	200,00	21,00	103,00	93,00	10,00	118,00	107,00	11,00	
-	Tiêu Dự án 2, Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	52,00	45,00	7,00	17,00	15,00	2,00	35,00	30,00	5,00	
-	Tiêu Dự án 1, Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện Chương	86,00	80,00	6,00	38,00	35,00	3,00	48,00	45,00	3,00	
-	Tiêu Dự án 2, Dự án 7: Giám sát, đánh giá	39,00	35,00	4,00	15,00	13,00	2,00	24,00	22,00	2,00	
-	Tiêu Dự án 3, Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững	44,00	40,00	4,00	33,00	30,00	3,00	11,00	10,00	1,00	
33	Xã Đăk Môn	221,00	200,00	21,00	103,00	93,00	10,00	118,00	107,00	11,00	
-	Tiêu Dự án 2, Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	52,00	45,00	7,00	17,00	15,00	2,00	35,00	30,00	5,00	
-	Tiêu Dự án 1, Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện Chương	86,00	80,00	6,00	38,00	35,00	3,00	48,00	45,00	3,00	
-	Tiêu Dự án 2, Dự án 7: Giám sát, đánh giá	39,00	35,00	4,00	15,00	13,00	2,00	24,00	22,00	2,00	
-	Tiêu Dự án 3, Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững	44,00	40,00	4,00	33,00	30,00	3,00	11,00	10,00	1,00	
34	Xã Đăk Long	111,54	84,34	27,20	41,47	35,87	5,60	70,07	48,47	21,60	
-	Tiêu Dự án 2, Dự án 6: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	39,74	32,44	7,30	18,27	16,87	1,40	21,47	15,57	5,90	
-	Tiêu Dự án 1, Dự án 7: Nâng cao năng lực thực hiện Chương	32,07	20,77	11,30	6,90	4,00	2,90	25,17	16,77	8,40	
-	Tiêu Dự án 2, Dự án 7: Giám sát, đánh giá	21,53	18,13	3,40	6,40	6,00	0,40	15,13	12,13	3,00	
-	Tiêu Dự án 3, Dự án 4: Hỗ trợ việc làm bền vững	18,19	12,99	5,20	9,90	9,00	0,90	8,29	3,99	4,30	
35	Xã Tu Mơ Rông	486,70	486,70	-	421,60	421,60	-	65,10	65,10	-	
-	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	344,95	344,95	-	339,60	339,60		5,35	5,35		
	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông	14,70	14,70	-	9,35	9,35		5,35	5,35		

TT	Đơn vị, nội dung thực hiện	Tổng vốn phân bổ			Trong đó:						Ghi chú
					Năm 2025			Năm trước chuyển sang			
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	
	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	330,25	330,25	-	330,25	330,25		-	-		
-	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	32,92	32,92	-	27,50	27,50		5,42	5,42		
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	3,92	3,92	-	-	-		3,92	3,92		
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	29,00	29,00	-	27,50	27,50		1,50	1,50		
-	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương	108,83	108,83	-	54,50	54,50		54,33	54,33		
	Nâng cao năng lực thực hiện chương trình	48,80	48,80	-	31,25	31,25		17,55	17,55		
	Giám sát, đánh giá	60,03	60,03	-	23,25	23,25		36,78	36,78		
36	Xã Kon Đào	754,65	754,65	-	146,00	146,00	-	608,65	608,65		
-	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	43,00	43,00	-	27,00	27,00	-	16,00	16,00		
	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông	16,00	16,00	-	-			16,00	16,00		
	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ cải thiện dinh dưỡng	27,00	27,00	-	27,00	27,00		-			
-	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	592,65	592,65	-	-	-	-	592,65	592,65		
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	200,65	200,65	-	-			200,65	200,65		
	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	392,00	392,00	-	-			392,00	392,00		
-	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	12,00	12,00	-	12,00	12,00	-	-	-		
	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	-	-	-	-			-			
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	12,00	12,00	-	12,00	12,00		-			
-	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	107,00	107,00	-	107,00	107,00	-	-	-		
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	56,00	56,00	-	56,00	56,00		-			
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	51,00	51,00	-	51,00	51,00		-			
B	CÁC XÃ KHU ĐÔNG QUẢNG NGÃI	4.734,12	3.746,53	987,59	-	-	-	4.734,12	3.746,53	987,59	
36	Xã Bình Sơn	258,39	227,85	30,54	-	-	-	258,39	227,85	30,54	
*	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	12,64	12,64	-	-			12,64	12,64	-	
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá	245,75	215,21	30,54	-	-	-	245,75	215,21	30,54	
	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	148,50	132,21	16,29	-			148,50	132,21	16,29	
	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	97,25	83,00	14,25	-			97,25	83,00	14,25	
37	UBND phường Cẩm Thành	895,15	703,74	191,41	-	-	-	895,15	703,74	191,41	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	13,56	4,56	9,00				13,56	4,56	9,00	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	661,26	524,96	136,30				661,26	524,96	136,30	
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	54,31	46,71	7,60				54,31	46,71	7,60	
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá	166,02	127,51	38,51				166,02	127,51	38,51	
38	UBND phường Nghĩa Lộ	895,15	703,74	191,41	-	-	-	895,15	703,74	191,41	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	13,56	4,56	9,00				13,56	4,56	9,00	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	661,26	524,96	136,30				661,26	524,96	136,30	
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	54,31	46,71	7,60				54,31	46,71	7,60	
*	DA 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá	166,02	127,51	38,51				166,02	127,51	38,51	
39	UBND phường Trương Quang Trọng	895,15	703,74	191,41	-	-	-	895,15	703,74	191,41	

TT	Đơn vị, nội dung thực hiện	Tổng vốn phân bổ			Trong đó:						Ghi chú
					Năm 2025			Năm trước chuyển sang			
		Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	Tổng vốn	NSTW	NSDP	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	13,56	4,56	9,00				13,56	4,56	9,00	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	661,26	524,96	136,30				661,26	524,96	136,30	
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	54,31	46,71	7,60				54,31	46,71	7,60	
*	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá	166,02	127,51	38,51				166,02	127,51	38,51	
40	UBND xã An Phú	895,15	703,74	191,41	-	-	-	895,15	703,74	191,41	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	13,56	4,56	9,00				13,56	4,56	9,00	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	661,26	524,96	136,30				661,26	524,96	136,30	
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	54,31	46,71	7,60				54,31	46,71	7,60	
*	Dự án7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá	166,02	127,51	38,51				166,02	127,51	38,51	
41	UBND xã Tịnh Khê	895,15	703,74	191,41	-	-	-	895,15	703,74	191,41	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	13,56	4,56	9,00				13,56	4,56	9,00	
*	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	661,26	524,96	136,30				661,26	524,96	136,30	
*	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	54,31	46,71	7,60				54,31	46,71	7,60	
*	Dự án7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá	166,02	127,51	38,51				166,02	127,51	38,51	